

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HS-PT

Ngày: 08 - 6 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Trịnh Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Ngọc T, sinh năm 1987, tại Tiền Giang; Hộ khẩu thường trú: Số xx khu phố M, Phường N, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MTB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn H, sinh năm 1966 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1966; Chồng: Trần Văn Tr, sinh năm 1977; Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo:

- Người bị hại: Bà **Lê Thị Thu Th**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã Tân Phú, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Phan Trường T1**, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2002; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xx Khu phố M, Phường N, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Phạm Văn A**, sinh năm 1977; (vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Thu M**, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố H, Phường B, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Trịnh Ngọc T và bà Lê Thị Thu Th cùng làm nghề bán thủy sản tại chợ CL. Cùng mặt hàng và vị trí ngồi bán cạnh nhau nên T và bà Th thường phát sinh mâu thuẫn do tranh giành khách hàng.

Khoảng 18 giờ ngày 23/7/2019, khách hàng đến sạp của T hỏi mua ếch và cá điêu hồng, sau khi tham khảo giá, khách quyết định mua ếch của T và mua cá điêu hồng của bà Th. Sau khi khách hàng rời khỏi sạp, T lớn tiếng la mắng bà Th cho rằng bà Th tranh giành khách hàng và dùng chổi quét nước bắn văng sang sạp của bà Th, bà Th và T lớn tiếng cãi nhau.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị Thu M cùng chồng là Phạm Văn A đến sạp của bà Th mua cá, khi bà Th đang ngồi làm cá để giao cho vợ chồng chị M thì T bất ngờ đi từ sạp của mình trên tay phải cầm 01 đoạn tuýp sắt dài 45 cm, đường kính 2,5 cm đến bên trái chỗ bà Th ngồi rồi dùng tuýp sắt đánh 01 cái vào đầu của bà Th gây thương tích, bà Th đứng dậy thì bị T tiếp tục đánh liên tiếp nhiều cái vào vùng hông và lưng của bà Th, bà Th đang cầm kéo trên tay nên quơ nhiều cái về phía T để tự vệ và thoát thân nên trúng vào vùng ngực của T thương tích.

Giấy chứng nhận thương tích số 272/BV ngày 08/8/2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực CL chứng nhận bà Lê Thị Thu Th có những thương tích như sau: Vết thương thái dương trái #06 cm, sung bầm khuỷu tay trái # (4 x 8) cm, sung bầm mạn sườn. trái + hông trái kích thước (4 x 10) cm, xây sát thắt lưng phải #03 cm.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 317/2019/TGT ngày 13/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận bà Lê Thị Thu Th có những thương tích, dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương thái dương đỉnh trái kích thước (2,5 x 0,3) cm; Tỷ lệ 2%; Sẹo vết thương thắt lưng phải kích thước (3 x 0,3) cm; Tỷ lệ 5%; tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà Lê Thị Thu Th là 07%; Thương tích do vật tày gây nên.

Giấy chứng nhận thương tích số 270/CN-BV ngày 24/7/2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực CL chứng nhận thương tích của Trịnh Ngọc T như sau: Xây sát da cổ trái #3cm; Vết thương trước ngực phải khoang xương sườn 2,3 # 1,5 cm.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 332/2019/TgT ngày 03/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận thương tích của Trịnh Ngọc T như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương ngực phải, sẹo lồi; tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 3%. Thương do vật sắc nhọn gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589, 590 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Thu Th số tiền 27.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 11 tháng 11 năm 2020, bị cáo Trịnh Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại hình phạt và tội danh đối với bị cáo. Sửa án sơ thẩm theo hướng bị cáo không cố ý gây thương tích và không bồi thường thiệt hại. Đồng thời xem xét lại hành vi của người bị hại dùng kéo đâm bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày do không am hiểu pháp luật nên cho rằng hành vi xô xát với bị hại dẫn tới thương tích là không có tội, lý do bị hại có dùng kéo gây thương tích cho bị cáo. Nay, nhận thức hành vi sai trái, bị cáo chấp nhận với quy kết của án sơ thẩm về tội danh cố ý gây thương tích, quá trình kháng cáo bị cáo đã nộp 10 triệu đồng nhằm khắc phục hậu quả. Nay bị cáo T xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Mặt khác, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo xin được xem xét lại mức bồi thường hợp lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Do đó Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ đúng người, đúng tội, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất nguy hiểm và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã hiểu và ý thức được hành vi nguy hiểm của bản thân, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, đã chủ động nộp 10.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả. Thấy rằng bị cáo T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cùng với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo hưởng án treo, sửa án sơ thẩm. Đối với phần trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, toàn diện và buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 27.000.000 đồng là phù hợp nên yêu cầu kháng cáo này của bị cáo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cấp phúc thẩm bị cáo Trịnh Ngọc T có nhờ Luật sư Võ Trọng Kỳ bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho bản thân. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thay đổi không tiếp tục yêu cầu bảo vệ. Xét đề nghị trên là ý chí của bị cáo, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Thị Ngọc T vẫn cho rằng mâu thuẫn do tranh giành khách giữa bị cáo và bà Th đã phát sinh trước đó. Việc xảy ra xô xát cũng với nguyên nhân trên. Đôi bên cự cãi do quá nóng nảy bị cáo có đánh bị hại gây thương tích. Ngược lại bị hại cũng có dùng kéo gây thương tích cho bị cáo.

Qua lời trình bày tại phiên tòa cũng như xem xét nguồn chứng cứ đã thu thập như lời khai của bị hại Lê Thị Thu Th, những người làm chứng trực tiếp như Nguyễn Thị Thu M, Phạm Văn A, thương tích trên người bị hại cũng như bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 317/2019/TgT ngày 13/8/2019 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định:

Vào những ngày trước đó và đến ngày 23/7/2019 giữa Trịnh Ngọc T và bà Lê Thị Thu Th có mâu thuẫn với nhau trong việc giành khách và dẫn đến tranh cãi gay gắt. Trong lúc bà Th đang ngồi làm cá để giao cho khách, bất ngờ T dùng tuýp sắt đánh bà Th, hậu quả bà Th bị tổn thương cơ thể là 7%.

Vật chứng T giao nộp là tuýp sắt hình trụ tròn dài 45cm, đường kính 2,5cm phù hợp với mô tả của nhân chứng là chị M và anh A. Tuýp sắt trên được xác định là hung khí nguy hiểm bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại, phù hợp với kết quả giám định pháp y về thương tích đối với bà Th.

Hội đồng xét xử sơ thẩm quy kết bị cáo Trịnh Ngọc T phạm tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ, giữa bị cáo và bị hại chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị cáo ý thức được sức khỏe, tính mạng của con người là rất quan trọng, thế nhưng vì tranh giành khách trong buôn bán nhỏ lẻ mà bị cáo đã dùng tuýp sắt là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bà Lê Thị Thu Th với tỉ lệ thương tật 7%, với tính chất mức độ nguy hiểm trên việc áp dụng mức hình phạt nhất định cho bị cáo là cần thiết để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về mức hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và xử phạt bị cáo với mức án nêu trên là cần thiết để răn đe và phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, qua thực tế vụ án cũng cho thấy rằng mâu thuẫn giữa đôi bên đã xảy ra kéo dài vì tranh giành khách, do nhất thời nóng nảy không kiềm chế được bị cáo đã dùng công cụ hành nghề buôn bán có sẵn đánh bị hại. Mặc dù, thương tích do bị cáo gây ra cho bị hại là không nặng nhưng công cụ dùng để gây ra được xác định là hung khí nguy hiểm, theo quy định của pháp luật bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có căn cứ xác định bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại giai đoạn phúc thẩm, nhận thức được quy định của pháp luật, hiểu được hành vi của bản thân là vi phạm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thực hiện bồi thường khắc phục hậu quả. Do vậy cần thiết áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 để giảm nhẹ cho bị cáo đồng thời xét thấy không cần cách ly xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để giáo dục răn đe bị cáo.

[4] Xét về bồi thường dân sự, án sơ thẩm buộc chung các khoản bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng cộng 27.000.000 đồng, không xác định tính hợp lý của từng khoản cụ thể để làm căn cứ bồi thường, do vậy cần được xem xét lại tại cấp phúc thẩm. Cụ thể:

- Đối với yêu cầu bồi thường về chi phí điều trị thương tích, các hóa đơn bà Th giao nộp có tổng số tiền là 6.711.205 đồng. Trong đó có các hóa đơn bà Th tự đi khám tại bệnh viện Chợ Rẫy không có chỉ định của bác sĩ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T đồng ý bồi thường tất cả về khoản tiền này, xét đây là tự nguyện của bị cáo nên được công nhận.

- Đối với yêu cầu về tiền ngày công lao động bị hại yêu cầu bồi thường 45 ngày bằng số tiền là 15.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại là chưa phù hợp với tình trạng sức khỏe của bản thân sau khi bị thương tích. Theo y chứng, giấy ra viện đối với bị hại, bà Th chỉ nằm viện điều trị là 07 ngày. Khi ra viện bác sĩ chỉ định uống thuốc theo toa, thay băng, cắt chỉ ở trạm y tế địa phương. Với chỉ định như trên cho thấy thương tích không ảnh hưởng nhiều

đến sức khỏe của người bị hại, chỉ tiếp tục điều trị tại nhà thêm thời gian ngắn sẽ khỏi. Hội đồng xét xử thống nhất tính ngoài 07 ngày nằm viện, cộng thêm 10 ngày điều trị tại nhà để tính tiền công lao động cho bà Th. Mặt khác, bị hại cũng không chứng minh được thu nhập hằng ngày qua công việc buôn bán của bản thân. Do vậy, ngày công lao động được tính theo lao động nữ phổ thông tại địa phương là 300.000 đồng/ngày. Vậy tổng tiền ngày công lao động cần thiết buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là 5.100.000 đồng.

- Riêng yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần, bị hại yêu cầu 6.000.000 đồng. Yêu cầu trên là chưa đủ căn cứ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Lý do, đôi bên buôn bán cạnh nhau cùng mặt hàng, mâu thuẫn xảy ra do cạnh tranh trong buôn bán. Hằng ngày thường xuyên tranh cãi, mắng chửi nhau, việc gây thương tích chỉ bộc phát nhất thời khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm và không thể kiềm chế được. Hiện nay đôi bên vẫn tiếp tục buôn bán như trước đây tại chợ. Do vậy xác định không có yếu tố tác động gây thiệt hại về tinh thần cho bà Th nên yêu cầu này không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và xem lại về bồi thường dân sự. Như đã nhận định ở trên, xác định kháng cáo là có căn cứ được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, sửa án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, xét ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ; phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bồi các lễ trên;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trịnh Ngọc T.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang

Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 134; các Điều 38, 48; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Điều 589, 590 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo và phải chấp hành thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 08/6/2021)

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang thường trú (Ủy ban nhân dân Phường N thị xã CL, tỉnh Tiền Giang) giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Thu Th số tiền 11.811.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bị cáo chịu 590.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- UBND P5, TX CL, tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã CL;
- VKSND thị xã CL;
- Công an thị xã CL;
- THADS thị xã CL;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Võ Trung Hiếu